TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/KDTM-ST
Ngày: 30-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

2. Ông Đặng Văn Quý.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy – là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2020/TLST-KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2022/QĐXXST - KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2022/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ;

Trụ sở: Đương V, phường L, quận K, Thành phố Hà Nội; Chi nhánh A – Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Đường X, phường P, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết A và bà Nguyễn Thị N; Địa chỉ: Đường X, phường P, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 174/GUQ-QLRR ngày 27/6/2022).

Bị đơn: Công ty TNHH R;

Trụ sở: Đường H, Phường U, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quốc E; địa chỉ: Đường số 2, Phường I, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành viên góp vốn của Công ty TNHH R: Bà Vũ Thị Y; Địa chỉ: Đường G, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Viết A là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ trình bày: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ) và Công ty TNHH R (sau đây gọi tắt là Công ty R) có ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7090314/HĐTD ngày 20/5/2015 với những nội dung chính như sau: Hạn mức cấp tín dụng là 4.000.000.000 đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời gian vay và lãi suất cho vay theo từng giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể. Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng Đ đã thực hiện giải ngân tổng số tiền 4.738.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày giải ngân	Số hiệu tài khoản tiền vay	Số tiền giải ngân (đồng)	Số tiền thu nợ gốc (đồng)	Dư nợ gốc còn lại (đồng)
15/5/2015	16882000060795	1.500.000.000	1.500.000.000	0
03/6/2015	16882000061549	2.500.000.000	2.500.000.000	0
16/10/2015	16882000076084	738.000.000	32.005.239	705.994.761
Tổng		4.738.000.000	4.032.005.239	705.994.761

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty R đã thế chấp các tài sản sau:

(*) Căn nhà số X Đường H1, Phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT1186x, số vào sổ cấp GCN số CH018x do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp ngày x/x/201x theo Hợp đồng thế chấp bằng Bất động sản của bên thứ 3 số 0x/2015/7090314/HĐBĐ ngày x/x/201x.

(*) Giàn máy móc thiết bị phục vụ việc in ấn thuộc quyền sở hữu của Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản số x/201x/HĐBĐ ngày x/x/201x, số công chứng 0122x, quyển số x TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh ngày x/x/201x, gồm:

- 01 Dây chuyền máy in ống đồng Hàn Quốc (giấy tờ gốc theo Hợp đồng mua bán số 57/2012/VL-TV/HĐKT ngày 19/10/2012, hóa đơn GTGT số 0000455 ngày 06/12/2012). (01)

- 01 máy in ống đồng 4 màu khổ 800mm, Model ASY-D800/4. (02)

- 01 máy in ống đồng 4 màu khổ 800mm, Model ASY-D800/1. (03)

- 01 máy ghép khô tốc độ cao khổ 800mm, Model BGF-800. (04)

- 01 máy chia cắt màn tốc độ cao khổ 1.100mm, Model QFJ-1100. (05)

- 01 máy làm túi 3 biên và dán lưng khổ 400mm, Model RZD-1100. (06)

- 01 máy cắt dán ba biên và dán lưng Trung Quốc. (07)

- 01 máy thổi màn 1 đầu xoay, máy cắt siêu. (08)

Các máy móc, thiết bị được đánh số từ (02) đến (06) có giấy tờ gốc theo hợp

đồng mua bán số 22/2008 TTH-TV ngày 12/4/2008, hợp đồng mua bán số 17/2008 TTH-TV ngày 07/4/2008, hóa đơn GTGT số 0177705 ngày 17/10/2008.

Các máy móc, thiết bị được đánh số từ (07) đến (08) có giấy tờ gốc theo hợp đồng mua bán ngày 18/6/2010, hóa đơn GTGT số 0145278 ngày 20/12/2010 và hóa đơn GTGT số 0145251 ngày 28/7/2010.

Các máy móc, thiết bị nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản Thi hành án ngày 20/5/2015 của Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau đó, Công ty R đã thanh toán khoản vay 1.500.000.000 đồng và 2.500.000.000đồng và đã thực hiện giải chấp căn nhà số X Đường H1, Phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo thỏa thuận giữa Ngân hàng Đ, Công ty R và bên thế chấp. Công ty R chỉ còn nợ lại khoản tiền vay 738.000.000 đồng theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 16/10/2015 có số hiệu tài khoản tiền vay 16882000076084, thời hạn vay 6 tháng, lịch trả nợ gốc vào ngày 16/4/2016, trả nợ lãi hàng tháng, lãi suất cho vay 9%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 30/6/2015, Công ty R còn nợ số tiền là 1.326.297.385 đồng, trong đó nợ gốc là: 705.994.761 đồng, lãi là 620.302.624 đồng (có bản kê chi tiết đính kèm).

Ngân hàng Đ yêu cầu Công ty R thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Công ty R tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn được quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 01/7/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng Đ.

Trường hợp Công ty R không trả hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là giàn máy móc thiết bị phục vụ việc in ấn thuộc sở hữu của Công ty R như đã nêu trên.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không thu hồi đủ nợ thì Công ty R có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

Bị đơn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa lập biên bản ghi nhận vụ án không tiến hành hòa giải được

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về nội dung: Căn cứ hợp đồng tín dụng hạn mức cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả các khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, đây là tranh chấp phát sinh nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đã hình thành quan hệ pháp luật Kinh doanh thương mại. Do bị đơn có trụ sở hoạt động tại quận Tân Bình nên Toà án Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thủ tục tống đạt*: Theo xác minh của Công an Phường I, quận Tân Bình thì người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Dương Quốc E có hộ khẩu thường trú tại Đường số 2, Phường I, Quận Tân Bình nhưng nhà đã bán, chuyển đi đâu không rõ. Do đó, ngoài việc thực hiện thủ tục niêm yết đối với người đại diện theo pháp luật, Tòa cũng đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đối với bà Vũ Thị Y là thành viên góp vốn của bị đơn để đảm bảo việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong việc giải quyết vụ án.

[1.3] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa: Do Tòa án tiến hành ủy thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ đối với bị đơn, người đại diện theo pháp luật, thành viên góp vốn của bị đơn tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt lần 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc còn thiếu 705.994.761 đồng: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7090314/HĐTD ngày 20/5/2015, Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 16/10/2012 các bên đã ký là tự nguyện thỏa thuận, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền gốc là 738.000.000 đồng nhưng đến hết thời hạn vay, bị đơn mới thanh toán được 32.005.239 đồng tiền gốc và còn nợ lại số tiền 705.994.761 đồng là vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký. Tuy những lời trình bày này chỉ từ một phía bên nguyên đơn nhưng bị đơn dù đã được tòa thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ tại trụ sở kinh doanh, tại địa chỉ cư trú của người đại diện theo pháp luật và thành viên góp vốn còn lại của bị đơn nhưng vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện từ bỏ nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do vậy,

yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc 705.994.761 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về khoản tiền lãi: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng hai bên đã ký, bản kê chi tiết tính lãi và lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thì việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay một lần số tiền tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/6/2022 là 620.302.624 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/7/2022 cho đến khi bị đơn thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên là có cơ sở chấp nhận theo các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là các thiết bị máy móc, thấy: Việc thế chấp tài sản được các bên được thực hiện theo quy định và đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh lúc 15 giờ 25 phút ngày x/x/201x, số đăng ký: 11814363x là đúng quy định theo khoản 3 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ – CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2012/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án, tuy việc tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của nguyên đơn không xác định được tài sản thế chấp hiện tại như thế nào, ở đâu tuy nhiên, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán cho khoản nợ còn thiếu và nguyên đơn cũng xác định sẽ thực hiện việc cung cấp các tài liệu, thông tin liên quan đến tài sản thế chấp cho Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để yêu cầu thi hành án khi bản có hiệu lực pháp luật do đó không làm ảnh hưởng đến quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm của nguyên đơn. Từ những căn cứ trên, yêu cầu này của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do nguyên đơn đã tạm ứng là 6.000.000 đồng: Do việc xem xét thẩm định tại chỗ được thực hiện để giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn và do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại toàn bộ chi phí này cho nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã đóng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và

được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

1.1. Công ty TNHH R có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tính đến ngày 30/6/2022 là 1.326.297.385 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi lăm đồng) gồm nợ gốc 705.994.761 đồng (Bảy trăm lẻ năm triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn bảy trăm sáu mươi mốt đồng), lãi 620.302.624 đồng (Sáu trăm hai mươi triệu ba trăm lẻ hai ngàn sáu trăm hai mươi bốn đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày 01/7/2022, Công ty TNHH R phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7090314/HĐTD ngày 20/5/2015 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng ngày 16/10/2015. Trường hợp trong các hợp đồng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty TNHH R phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Đến hạn trả nợ, Công ty TNHH R không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ tín dụng nêu trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm được thể hiện tại khoản 1 Điều 2 Hợp đồng thế chấp tài sản số x/201x/HĐBĐ ngày x/x/201x, số công chứng 0122x, quyển số x TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh ngày x/x/201x.

1.4. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán các khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì Công ty TNHH R có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ

1.5. Công ty TNHH R có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH R chịu án phí kinh doanh sơ thẩm là 51.788.922 đồng (Năm mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn chín trăm hai mươi hai đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tiền tạm ứng án phí đã đóng là 23.550.585 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm năm mươi ngàn năm trăm tám mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/00689x ngày x/x/202x của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo